

Bản án số: 18/2019/DS-PT
Ngày 12-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cảnh.
- Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thuyền và bà Phạm Thị Thông.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản* ” do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST, ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:13/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐ-PT ngày 19-3-2019, giữa các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.2 Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1971- vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm: 1992 - có mặt (Văn bản ủy quyền đề ngày 19-03-2019).

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1 Ông Đoàn Hồng L, sinh năm: 1954 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà Thuận có mua cà phê của bà Nguyễn Thị Thu H, cụ thể:

- Ngày 27-7-2010, mua số lượng 03 tấn cà phê nhân, bà T đã trả đủ tiền và hẹn bà H đến ngày 30-12-2010 phải giao đủ số lượng cà phê trên cho bà.

- Ngày 30-7-2010, mua số lượng 500kg cà phê nhân xô, đã giao đủ tiền cho bà H.

- Ngày 07-9-2010 mua 500kg cà phê hẹn đến tháng 12-2010 bà H giao đủ số lượng cà phê. Tổng cộng: 04 tấn (4.000kg cà phê nhân xô đủ độ). Đến thời hạn theo cam kết của 02 bên, bà H không giao cà phê nhân cho bà T.

Ngày 05-01-2011, bà H đến mượn bà T 30.000.000đ. Sau đó, bà T yêu cầu bà H trả cà phê nhưng bà H cố tình giấu địa chỉ, đến năm 2017, bà biết địa chỉ của bà H. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hương phải trả cho bà T 4.000kg cà phê nhân xô đủ độ và số tiền 30.000.000đ bà Hương đã mượn.

- Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Về số lượng cà phê bán cho bà Thuận, hẹn ngày trả đúng như bà T trình bày. Tuy nhiên, bà đã trả đủ 4.000kg cà phê nhân xô cho bà T. Bà không nhớ cụ thể nhưng bà đã trả số tiền là 87.000.000đ tương đương với 3.000kg cà phê, còn 02 lần với số lượng mỗi lần 500kg cà phê, bà H chở đến nhà trả cho bà T. Đến ngày 05-01-2011, bà có mượn của bà H 30.000.000đ nhưng bà đã trả cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà phải trả 4.000kg cà phê nhân xô đủ độ và 30.000.000đ thì bà không đồng ý vì bà đã thanh toán đầy đủ cho bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hồng L (chồng bà T) trình bày: ông nhất trí với quan điểm của bà T, yêu cầu bà H phải trả cà phê và số tiền đã mượn cho bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 436, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả 4.000kg cà phê nhân xô đủ độ và số tiền 30.000.000đ cho bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Hồng L.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-11-2018, bị đơn bà H kháng cáo toàn bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án số 12/2018/DS-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo hướng quy đổi giá cà phê thành giá trị tiền tại thời điểm mua bán để buộc bà H trả tiền cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[1.1] Về giao dịch mua bán cà phê, giữa nguyên đơn bà T với bị đơn bà Hương đều có lời khai thống nhất về thời điểm bà H bán cà phê, số lượng cà phê là 4.000kg, bà H thừa nhận đã nhận đủ số tiền từ bà T. Sau đó bà H mượn của bà T số tiền 30.000.000đ, bà H cũng thừa nhận về việc vay tiền này.

[1.2] Về chứng cứ các bên cung cấp, nguyên đơn nộp chứng cứ gồm 01 giấy mượn đề ngày 05-01-2011 với số tiền 30.000.000đ (giấy gốc); 01 giấy bán cà phê ngày 27-7-2010 với số lượng 03 tấn hẹn đến ngày 30-12-2010 trả; ngày 30-7-2010 bán 500kg cà phê và ngày 07-9-2010 bán 500kg hẹn đến tháng 12-2010 trả (BL 6b, 6c). Bà H thừa nhận những giấy tờ này là đúng chữ ký của bà. Tuy nhiên, bà H cho rằng đã trả hết cho bà T số lượng cà phê trên và số tiền 30.000.000đ nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, căn cứ

khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án căn cứ vào chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 434 của Bộ luật dân sự thì bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà T. Tuy nhiên, bà T chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 4.000kg cà phê và số tiền 30.000.000đ là có căn cứ đúng pháp luật.

Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”. Hơn nữa bà H cũng thừa nhận số nợ là 4.000kg cà phê và số tiền nợ là 30.000.000đ, chỉ có khác là bà cho rằng số cà phê và số tiền đã trả cho bà T nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản là có căn cứ. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lại số cà phê nhân 4.000kg và số tiền 30.000.000 đồng mà không yêu cầu bị đơn phải trả lãi cũng như không có yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 4.000kg cà phê và 30.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 436, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu H

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả 4.000kg cà phê nhân xô đủ độ và số tiền 30.000.000đ cho bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Hồng L.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 8.700.000đ (*Tám triệu bảy trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.250.000đ (*Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002935 ngày 14-6-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí, trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004596 ngày 21-11-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh